

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/DS-ST

Ngày: 12/09/2017

V/v: tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phạm Tuấn;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh

2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Duy Mạnh – Thẩm tra viên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huê – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2016/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2016, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐST-DS ngày 07/08/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 190/2017/QĐST-DS ngày 25/08/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng chính sách xã hội VN; Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo LĐ, quận HM, thành phố HN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1978; chức vụ: Phó Giám đốc - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện VC, tỉnh ĐN (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn M, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp 2, xã TA, huyện VC, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp 2, xã TA, huyện VC, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2016, các bản khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội VN (viết tắt là Ngân hàng) ông Vũ Văn H trình bày:

Sau khi xem xét hồ sơ xin vay vốn của hộ ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị D, địa chỉ: ấp 1, xã TA, huyện VC, tỉnh ĐN. Ngày 28/8/1995, Kho bạc Nhà nước huyện VC, tỉnh ĐN cho ông M vay số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn); bà D là người ký nhận tiền theo ủy quyền của ông M; mục đích ông M vay tiền để chăn nuôi bò; thời hạn cho vay là 18 tháng; lãi suất cho vay là 0.5%/tháng; tiền lãi trả 01 lần cả gốc và lãi khi hết hạn vay; ngày trả nợ gốc là 25/02/1997.

Đã đến thời hạn trả tiền vay nhưng ông M và bà D không thanh toán cho Kho bạc toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận tại “Khế ước vay tiền kiêm giấy nhận nợ” ngày 12/8/1995.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện VC được thành lập theo quyết định số 293/QĐ-HĐQT ngày 10/05/2003 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội VN, Kho bạc Nhà nước huyện VC đã bàn giao dư nợ sang cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện VC quản lý và theo dõi thu hồi nợ theo biên bản bàn giao ngày 14/08/2003. Sau khi nhận bàn giao Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện VC đã phối hợp với UBND xã TA nhiều lần đôn đốc thông báo thu hồi nợ song ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội VN số tiền nợ gốc là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) và số tiền lãi tính từ khi vay tiền là ngày 28/8/1995 đến ngày 12/09/2017 là 5.274.453 đồng (Năm triệu, hai trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng), thời gian được khoan nợ 03 năm không tính lãi (từ ngày 26/12/2000 đến ngày 26/12/2003 theo văn bản số 5442/UBT ngày 26/12/2000 của UBND tỉnh ĐN), trong đó: số tiền lãi trong hạn là 237.600 đồng; số tiền lãi quá hạn là 5.036.853 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 7.774.453 đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng).

** Bị đơn ông Vũ Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2016 có tại hồ sơ ông M trình bày:* Ngày 28/8/1995, ông và vợ là bà Nguyễn Thị D có vay của Kho bạc Nhà nước huyện VC (Nay đã chuyển giao dư nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện VC) số tiền 2.500.000 đồng; thời hạn vay là 18 tháng; thời hạn trả nợ là ngày 25/02/1997. Ông M thừa nhận chữ ký và chữ viết Vũ Văn M trên giấy “Khế ước vay tiền kiêm giấy nhận nợ” là của ông. Do bận công việc nên ngày 28/8/1995 ông có làm giấy ủy quyền cho vợ ông là bà Nguyễn Thị D thay mặt ông nhận số tiền 2.500.000 đồng vay của Kho bạc Nhà nước huyện VC. Từ khi vay đến nay ông và bà D chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện buộc ông và bà D trả số tiền nợ gốc là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) thì ông M không đồng ý lý do vì Ngân hàng đã xóa nợ đối với khoản vay 2.5000.000 đồng cho ông vào năm 1996. Tuy nhiên, ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc xóa nợ trên.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa và cũng không có ý kiến trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội VN khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Vũ Văn M có nơi cư trú tại: ấp 2, xã TA, huyện VC, tỉnh ĐN. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh ĐN.

Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 169 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Vũ Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D; ông M đã nhận và viết bản tự khai giao nộp cho Tòa án ngày 13/12/2016. Trong suốt thời gian giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông M và bà D đều vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 ông M, bà D đến tham gia phiên tòa nhưng ông M và bà D vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1]. Xét yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội VN buộc ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc vay là 2.500.000 đồng thì thấy:

Ngày 28/8/1995, ông M và vợ là bà Nguyễn Thị D có vay của Kho bạc Nhà nước huyện VC số tiền 2.500.000 đồng. Ông M thừa nhận chữ ký và chữ viết Vũ Văn M trên giấy “Khế ước vay tiền kiêm giấy nhận nợ” là của ông. Người nhận tiền vay của Kho bạc Nhà nước huyện VC ngày 28/8/1995 là bà Nguyễn Thị D. Từ khi vay đến nay ông M và bà D chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng.

Do đó, có đủ căn cứ kết luận ông M và bà D có vay của Kho bạc Nhà nước huyện VC số tiền 2.500.000 đồng là có thật.

Mặt khác, ông M cho rằng Ngân hàng đã xóa nợ đối với khoản vay 2.500.000 đồng cho ông vào năm 1996, tuy nhiên ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cũng như người làm chứng về việc xóa nợ trên.

Đã hết thời hạn vay theo thỏa thuận theo Khế ước vay tiền kiêm giấy nhận nợ nhưng ông M, bà D chưa trả số tiền nợ vay.

Năm 2003, Kho bạc Nhà nước huyện VC đã bàn giao toàn bộ dư nợ sang cho Ngân hàng chính sách xã hội VN – Phòng giao dịch huyện VC. Việc chuyển giao quyền không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ.

Căn cứ Điều 20 Pháp lệnh hợp đồng dân sự số 52-LC/HĐNN8, ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả đủ số tiền 2.500.000 đồng đã vay cho Ngân hàng chính sách xã hội VN.

[2]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc ông M và bà D trả tiền lãi: Khế ước vay tiền (kiêm giấy nhận nợ) ngày 12/8/1995 có chữ ký, chữ viết của ông Vũ Văn M thể hiện: Lãi suất cho vay là 0.5%/tháng; tiền lãi trả 01 lần khi hết hạn vay. Số tiền lãi trong hạn ông M, bà D phải trả cho Ngân hàng là: 225.000 đồng. Tiền lãi quá hạn do các bên không quy định trong hợp đồng nhưng có ghi nhận nội dung tại điểm 3 phần cam kết của người vay là “Chấp hành mọi quy định trong thể lệ cho vay của Kho bạc Nhà nước...”. Vì vậy, ngoài phải chịu lãi suất trong hạn ra, ông M và bà D còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn trên số tiền gốc 2.500.000 đồng tính từ ngày 25/02/1998 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2017 là 7.619 ngày – 1.095 ngày (thời gian 03 năm từ ngày 26/12/2000 đến ngày 26/12/2003 ông M được UBND tỉnh ĐN khoan nợ không tính lãi theo văn bản số 5442/UBT ngày 26/12/1999 của UBND tỉnh ĐN) = 6.524 ngày. Căn cứ Khế ước vay tiền (kiêm giấy nhận nợ) ngày 12/8/1995; Văn bản số 1103-TC/HCSN ngày 02/12/1996 của Bộ Tài chính; văn bản số 319/NHCSXH-ĐN ngày 08/4/2008 của Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh ĐN; Pháp lệnh hợp đồng dân sự số 52-LC/HĐNN8 ngày 29/4/1991; Phiếu tính lãi của Phòng giao dịch huyện VC ngày 12/9/2017, số tiền lãi ông M và bà D phải thanh toán cho Ngân hàng

chính sách xã hội VN là 5.257.453 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng). Cụ thể:

- *Tiền lãi trong hạn:*

+ Từ ngày 28/8/1995 đến 31/12/1996: Số tiền gốc là 2.500.000 đồng x 504 ngày x 0,5%/tháng/30 ngày = 210.100 đồng.

+ Từ ngày 31/12/1996 đến 25/02/1997: Số tiền gốc là 2.500.000 đồng x 55 ngày x 0,60%/tháng/30 ngày = 27.500 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn là 237.600 đồng (Hai trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm đồng).

- *Tiền lãi quá hạn:*

+ Từ ngày 25/02/1997 đến ngày 26/12/2000: Số tiền gốc là 2.500.000 đồng x 1377 ngày x 1,20%/tháng/30 ngày = 1.377.000 đồng.

+ Từ ngày 26/12/2000 đến ngày 26/12/2003: Lãi suất 0% do được khoan nợ 03 năm không tính lãi theo văn bản số 5442/UBT ngày 26/12/1999 của UBND tỉnh Đồng Nai (có danh sách kèm theo).

+ Từ ngày 26/12/2003 đến ngày 31/12/2008: Số tiền gốc là 2.500.000 đồng x 1450 ngày x 1,20%/tháng/30 ngày = 1.450.000 đồng.

+ Từ ngày 31/12/2008 đến ngày 12/9/2017: Số tiền gốc là 2.500.000 đồng x 3138 ngày x 0,84%/tháng/30 ngày = 2.209.853 đồng.

Tổng số tiền lãi quá hạn là 5.036.853 đồng (Năm triệu không trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi ba đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi buộc ông M và bà D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội VN là 7.774.453 đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng). Trong đó, tiền gốc 2.500.000 đồng, tiền lãi 5.274.453 đồng.

[3]. Về án phí:

- Ngân hàng chính sách xã hội VN không phải chịu án phí theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trả lại Ngân hàng chính sách xã hội VN số tiền 189.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 009822 ngày 22/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VC, tỉnh ĐN.

- Ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Số tiền án phí ông M và bà D phải nộp là 7.774.453 đồng x 5% = 388.722 đồng (Ba trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng).

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VC phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án dân sự đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và HĐXX trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Ông M và bà D vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội VN. Buộc ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị D phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội VN số tiền là 7.774.453 đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền nợ gốc là 2.500.000 đồng, số tiền nợ lãi là 5.274.453 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VC phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 270, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 20, Điều 50 Pháp lệnh hợp đồng dân sự số 52-LC/HĐNN8 ngày 29/4/1991; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội VN đối với ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị D về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội VN số tiền là 7.774.453 đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền nợ gốc là 2.500.000 đồng; số tiền nợ lãi là 5.274.453 đồng.

Kể từ khi Ngân hàng chính sách xã hội VN có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị D chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất chậm thanh toán theo từng thời điểm theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh thi hành án.

2. Về án phí:

- Trả lại Ngân hàng chính sách xã hội VN số tiền 189.000 đồng (Một trăm tám mươi chín ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 009822 ngày 22/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VC, tỉnh ĐN.

- Ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 388.722 đồng (Ba trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng).

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn